ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH TÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /PA-UBND	*Định Tân, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

PHƯƠNG ÁN
Sản xuất vụ Xuân năm 2026

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2025

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Phương án sản xuất ngành trồng trọt cả năm và vụ Xuân năm 2025 được UBND huyện cũ triển khai sớm; trên cơ sở đó các xã cũ đã chủ động xây dựng kế hoạch, phương án với các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện đẩy mạnh sản xuất ngành trồng trọt.

- Sản xuất trồng trọt tiếp tục nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các HTX DVNN, sự tham gia phối hợp của tổ chức chính trị - xã hội; sự tập trung của các thôn và người dân.

- Dịch vụ phục vụ sản xuất như: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công tác thủy lợi, công tác phòng trừ sâu bệnh đáp ứng kịp thời, chủ động và đạt hiệu quả cao; dịch vụ cơ giới hóa ngày càng phát triển mở rộng, nhất là khâu làm đất, mạ khay, máy cấy, gieo hạt bằng máy bay, thu hoạch lúa.

- Hạ tầng phục vụ sản xuất ngày càng được hoàn thiện; khoa học kỹ thuật mới được ứng dụng rộng rãi cùng với các cơ chế chính sách từ Trung ương tới địa phương đầu tư, hỗ trợ sản xuất tiếp tục tạo động lực để phát triển sản xuất.

2. Khó khăn

- Đầu vụ, do tác động của nhiều đợt không khí lạnh tăng cường kết hợp gió mùa Đông Bắc, rét đậm, rét hại kéo dài đã ảnh hưởng đến sinh trưởng của mạ và rau màu. Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4 tiếp tục có 6 ngày rét đậm trùng vào thời điểm một số diện tích lúa cấy sớm phân hóa đòng bước 4, 5 nên lúa có tỷ lệ lép cao. Sang trung tuần tháng 4 thời tiết dần thuận lợi hơn, nắng ấm xen kẽ mưa nhỏ, tạo điều kiện cho lúa và ngô phát triển tốt; tuy nhiên, từ cuối tháng 4 đến tháng 5, nắng nóng gay gắt kèm mưa rào, dông diện rộng đã gây thiệt hại cục bộ cho lúa giai đoạn trỗ - chín và cây ăn quả.

- Giá vật tư nông nghiệp, nhiên liệu, nhất là phân bón giai đoạn đầu vụ xu hướng tăng ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của nông dân.

- Lao động khu vực nông nghiệp ngày càng ít, trong khi mô hình sản xuất nông hộ vẫn chiếm đa số; áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất tuy phát triển, song

mới chỉ thực hiện được ở một số khâu và trên những diện tích lớn; một số diện tích manh mún nhỏ lẻ chưa được ứng dụng cơ giới.

II . NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT VỤ XUÂN NĂM 2025

1. Diện tích, năng suất, sản lượng và giá trị sản phẩm trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng đạt 1.957,2 ha, đạt 100,15% so với kế hoạch; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 11.440 tấn, bằng 100 % so với kế hoạch. Trong đó:

- *Cây lúa*: Diện tích 1,577.4 ha, đạt 100 % kế hoạch, bằng 98,95% so với cùng kỳ; năng suất đạt 72,5 tạ/ha, bằng 100,02% kế hoạch, bằng 100,41% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 11,440 tấn, bằng 100,02 % kế hoạch, bằng 99,36 % so với cùng kỳ;

- *Cây ngô:* Diện tích đạt: 328,6 ha, đạt 99,8% so với kế hoạch, bằng 93,82% so với cùng kỳ; năng suất đạt 56,7 tạ/ha, bằng 98,6% kế hoạch, bằng 100,42% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 1.863 tấn, bằng 98,41% kế hoạch, bằng 94,21% so với cùng kỳ.

- *Cây lạc:* Diện tích đạt: 10,2 ha, đạt 103,03% so với kế hoạch, bằng 100% so với cùng kỳ; năng suất đạt 21,4 tạ/ha, bằng 106,91% kế hoạch, bằng 97,19% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 21,8 tấn, bằng 110,15% kế hoạch, bằng 97,19% so với cùng kỳ.

- Cây ớt (chủ yếu là ớt lưu gốc ở vụ Đông sang): 46,5 ha.

- *Rau, đậu các loại: 71,2* ha.

- *Cây trồng khác*: 11,9 ha.

Trong 1.957,2 ha cây trồng vụ Xuân thì nhóm cây trồng liên kết sản xuất - tiêu thụ đạt 216,5 ha trong đó: Lúa thương phẩm liên kết đạt 132 ha; ớt lưu gốc 46,5ha; Lúa J02: 10ha; ngô F1: 15ha, Bầu F1: 5ha, rau các loại 3ha.

2. Đánh giá

2.1. Những kết quả nổi bật

** Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đạt hiệu quả rõ rệt*

- UBND huyện Yên Định cũ triển khai Phương án sản xuất sớm làm cơ sở cho các xã xây dựng mục tiêu, giải pháp, hướng dẫn cơ cấu giống, thời vụ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tổ chức sản xuất có hiệu quả cao. Ngành nông nghiệp cùng địa phương đã triển khai nhiều giải pháp linh hoạt, phòng chống, kiểm soát tốt dịch bệnh, ổn định sản xuất, bảo vệ lực lượng lao động, duy trì các khâu phục vụ sản xuất, nhất là cung ứng giống, vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều chỉnh chỉ tiêu, điều chỉnh cơ cấu cây trồng phù hợp với diễn biến thời tiết và thị trường, chỉ đạo các giải pháp kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh, khắc phục thiên tai; phân công cán bộ về cơ sở, nắm bắt, phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời.

- Hoạt động dịch vụ đáp ứng cơ bản các nhu cầu phục vụ sản xuất, giúp nông dân tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất. Các HTX dịch vụ nông nghiệp được củng cố, thể hiện rõ vai trò phục vụ, tích cực phối hợp với các doanh nghiệp đưa tiến bộ thuật vào sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản, liên kết bao tiêu sản phẩm lúa giống, ngô giống, rau, quả chế biến, xuất khẩu.

Tuy có ảnh hưởng của khí hậu thời tiết nhưng nhìn chung các loại cây trồng sinh trưởng bình thường, sâu bệnh phòng trừ kịp thời và được kiểm soát, mức độ đầu tư phân bón tuy có giảm hơn so các vụ trước song khá cân đối cùng với nguồn nước đảm bảo nên các loại cây trồng vẫn sinh trưởng tốt.

** Thời vụ, cơ cấu giống có chuyển biến rõ rệt*

- Thời vụ gieo trồng được UBND huyện cũ khuyến cáo cụ thể, UBND xã chỉ đạo lịch gieo trồng tốt, tập trung ở trà Xuân muộn. Do vậy đã tránh được rét đầu vụ, gió Tây Nam cuối vụ và các lứa sâu bệnh phát sinh gây hại; vừa giảm chi phí sản xuất, vừa đảm bảo năng suất, sản lượng và chất lượng; diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai được hạn chế đến mức thấp nhất, ảnh hưởng nhẹ do thiên tai.

- Cơ cấu bộ giống tiếp tục có chuyển biến rõ rệt: Các giống chủ lực, cây trồng có lợi thế được khuyến cáo đưa vào gieo trồng ngày càng nhiều, chất lượng giống đảm bảo, tỷ lệ sử dụng giống từ cấp xác nhận trở lên đạt trên 95%. Các loại cây trồng khác được bố trí theo chân đất phù hợp; chất lượng giống đảm bảo và gắn với thị trường tiêu thụ, nhất là các cây trồng thuộc nhóm rau, hoa, dưa chuột, bí xanh, khoai tây.

** Công tác Bảo vệ thực vật đạt hiệu quả cao*

Vụ Xuân 2025 công tác điều tra, dự tính, dự báo kịp thời và tổ chức phòng trừ tốt, đạt hiệu quả cao, kết hợp với việc cây trồng được bố trí thời vụ hợp lý và thâm canh tốt nên mức độ gây hại giảm nhiều so với cùng kỳ, không có đối tượng sâu bệnh phát sinh và gây hại thành dịch, nhất là các đối tượng nguy cơ gây hại lớn như bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân trên cây lúa, sâu keo mùa thu trên cây ngô...; nhiều diện tích cây trồng không phải sử dụng hoặc chỉ sử dụng 01 lần thuốc BVTV vừa làm giảm giá thành sản xuất, vừa nâng cao chất lượng nông sản.

** Tích tụ, tập trung đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng dụng KHKT để thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt đạt kết quả tích cực*

- Diện tích đất được tích tụ tập trung đất đai thông qua các hình thức thuê đất, chuyển nhượng, góp đất để sản xuất vụ Xuân 2025 đạt 25 ha. Thông qua đó đã hình thành tư duy, tổ chức phương thức sản xuất mới được ứng dụng KHKT mới, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn có chất lượng cao; hiệu quả sản xuất ở các mô hình sau tích tụ tập trung đều tăng ít nhất từ 1,5 lần trở lên so với trước; đồng thời đảm bảo được chất lượng nông sản và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Duy trì được 3 mã số vùng trong đó 2 vùng trồng ớt phục vụ xuất khẩu tại thôn Duyên Hy và Thôn Đồng Tình và 01 mã lúa J02 thôn Duệ Thôn.

- Các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiếp tục được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất: Cơ giới hóa đồng bộ tiếp tục phát triển mạnh nhất là khâu làm đất, thu hoạch, gieo cấy; phun thuốc BVTV bằng máy bay không người lái, sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc BVTV sinh học, thuốc thảo dược được ưu tiên, các quy trình IPM, VietGAP,... ngày càng được mở rộng cho nhiều đối tượng cây trồng.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản còn thiếu bền vững; quy mô sản xuất ngành Trồng trọt vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu vẫn ở hình thức sản xuất hộ gia đình; tính đồng bộ, hạ tầng phục vụ sản xuất vẫn chưa được đầu tư đồng bộ.

- Lao động trong khu vực nông nghiệp ngày càng ít, sản xuất nông hộ vẫn chiếm đa số; cơ giới hóa tuy phát triển song mới chỉ thực hiện được ở một số khâu và trên những diện tích lớn; phương thức canh tác thủ công vẫn chiếm tỷ lệ lớn ở nhiều khâu.

- Giá trị thu nhập/đơn vị diện tích tuy có tăng nhưng còn chậm. Thu hút doanh nghiệp còn hạn chế, các doanh nghiệp lớn đầu tư vào ngành trồng trọt chưa nhiều; việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm còn ít; ứng dụng KHKT vào sản xuất còn chậm nhất là ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ.

b) Nguyên nhân

Ảnh hưởng của khí hậu thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, thời tiết cực đoan xuất hiện trái quy luật với tần suất cao làm cho cây trồng sinh trưởng bất thuận; cùng với sự bất ổn an ninh chính trị toàn cầu tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2026

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Vai trò của sản xuất nông nghiệp nói chung và lĩnh vực Trồng trọt nói riêng được khẳng định trong việc đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội, nâng cao giá trị, tạo nguyên liệu phục vụ chế biến. Do đó, sự quan tâm của cấp uỷ, chính quyền, nhân dân đến sản xuất Trồng trọt ngày càng sâu sắc.

Ứng dụng khoa học công nghệ ngày càng phát triển, được ứng dụng nhanh và có hiệu quả vào sản xuất nhất là chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, nông nghiệp sinh thái.

Tín hiệu thị trường nông sản trên thế giới và Việt Nam với xu hướng tăng nhu cầu về số lượng, chủng loại và giá cả nhất là giá lúa gạo, tạo cơ hội cho sản xuất phát triển nhất là sản xuất hàng hoá quy mô lớn, chất lượng cao.

2. Khó khăn

Tình hình an ninh, chính trị thế giới diễn biến khó lường; biến đổi khí hậu có thể gây các hiện tượng thời tiết cực đoan trái quy luật với tần suất và cường độ ngày càng phức tạp. Dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; Thị trường vẫn diễn biến khó lường, khó dự báo là nguy cơ gây khó khăn cho sản xuất Trồng trọt.

Hình thức sản xuất vẫn mang tính nhỏ lẻ, quy mô sản xuất ở hộ gia đình là chủ yếu; Nguồn lực đầu tư cho phát triển Nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế; Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn dẫn đến thiếu hụt lao động trong sản xuất Trồng trọt.

II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2026

1. Mục tiêu và định hướng chỉ đạo

- Mục tiêu: Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt ngay từ đầu vụ để giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích.

- Định hướng chỉ đạo

Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản để có hiệu quả kinh tế, tăng giá trị/ha canh tác. Đẩy mạnh việc tích tụ đất đai tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo chuỗi giá trị; các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ,VietGAP, nông nghiệp tuần hoàn, mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh vào sản xuất, ...

Phát triển ngành trồng trọt toàn diện gắn với ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao.

2. Kế hoạch về diện tích và năng suất của một số cây trồng chính

Tổng diện tích gieo trồng: 2.010 ha trở lên, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 12.947,49 tấn trở lên, trong đó:

+ Cây lúa: Diện tích 1.577,4 ha, năng suất bình quân 72,1 tạ/ha; tổng sản lượng lúa đạt 11.593,89 tấn. Trong đó: Diện tích lúa liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm 150ha[1] trở lên; diện tích sản xuất lúa tạo tín chỉ Carbon giảm phát thải khí nhà kính đạt 600 ha trở lên[2].

---

[1] Hội Nông dân thực hiện 2 mô hình liên kết lúa F1 và lúa CoXy tại thôn Tam Đồng; Thôn Yên Định; HTX dịch vụ Nông nghiệp Định Tiến….;

[2] HTX NN Định Hải thực hiện trên 200ha; HTX NN Định Tân thực hiện trên 105 ha; HTX NN Định Tiến trên 200 ha; HTX NN Định Hưng 100ha;

+ Cây ngô: Diện tích 128 ha trở lên, năng suất 56,4 tạ/ha, sản lượng: 721,92 tấn.

+ Diện tích ớt (lưu gốc từ vụ Đông sang): 46 ha trở lên;

+ Cây lạc, cây khoai: 8 ha trở lên;

+ Rau đậu các loại: 297 ha trở lên.

* Trong 2010 ha cây trồng vụ Xuân thì nhóm cây trồng liên kết sản xuất - tiêu thụ đạt 150 ha trong đó: Lúa thương phẩm liên kết đạt 86 ha; ớt lưu gốc 46 ha; ngô F1 10 ha, Bầu F1 5 ha, rau các loại 3 ha.

(Chỉ tiêu giao cụ thể ở phụ lục 1)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý nhà nước trong điều hành sản xuất

- Trên cơ sở Phương án sản xuất của tỉnh và điều kiện thực tế của xã, xây dựng phương án sản xuất của đơn vị; giao chỉ tiêu cụ thể đến các thôn, đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể; phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy chính quyền, người đứng đầu và sự tham gia có hiệu quả của các tổ chức chính trị xã hội đảm bảo cơ cấu cây trồng và thời vụ gieo trồng phù hợp với từng vùng, ưu tiên sản phẩm có thị trường và sản xuất theo hợp đồng.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc, giảm sát; thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm; công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để cảnh báo cho nông dân biết và chủ động, linh hoạt lựa chọn vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng.

- Thực hiện nhân rộng các mô hình mới có hiệu quả phù hợp với lợi thế, thế mạnh của huyện; quan tâm tiếp cận và ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới về giống, kỹ thuật canh tác.

- Đẩy mạnh khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; tăng cường quản lý Nhà nước trong nông nghiệp.

- Phân công cán bộ kỹ thuật bám sát cơ sở nắm bắt tình hình, chỉ đạo sâu, sát, quyết liệt ngay từ đầu vụ, kịp thời có giải tháo gỡ các vướng mắc cho nông dân.

- Chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng vật tư nông nghiệp phục vụ cho sản xuất.

2. Đẩy mạnh thực hiện tích tụ tập trung đất đai gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển

nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao nhằm phát triển các sản phẩm lợi thế và chủ lực của xã, tổ chức sản xuất với quy mô lớn, gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghệ cao, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người sản xuất, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bền vững, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của xã.

- Rà soát quỹ đất và điều kiện sản xuất, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng cơ cấu giống phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu để nâng cao hiệu quả sản xuất. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phải gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường, ứng dụng công nghệ và mời gọi các doanh nghiệp cùng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường chỉ đạo, khuyến cáo nông dân đầu tư sản xuất, tạo mọi điều kiện để nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp sản xuất, khắc phục tình trạng bỏ ruộng.

3. Bố trí cơ cấu thời vụ và giống cây trồng hợp lý

Quan điểm chỉ đạo sản xuất vụ Xuân phải là vụ cho năng suất, sản lượng cao và an toàn; đồng thời, cơ cấu thời vụ của Vụ Xuân phải phù hợp để tạo quỹ đất, thời gian cho sản xuất vụ Mùa và vụ Đông. Trên cơ sở đó, tùy thời gian sinh trưởng của từng giống, điều kiện thực tế của địa phương để bố trí thời vụ gieo trồng phù hợp theo nguyên tắc đảm bảo lúa và cây trồng khi phân hóa hoa, hình thành hạt và khi trỗ gặp thời tiết thuận lợi nhất, tránh lụt Tiểu mãn ở vùng đất thấp khi thu hoạch, tránh gió nóng Tây Nam khi trỗ bông.

Quan điểm bố trí thời vụ và cơ cấu lúa là: tăng diện tích sản xuất trà Xuân muộn, ưu tiên sử dụng giống ngắn ngày chất lượng cao, giống dài ngày chỉ bố trí trên các chân đất đặc thù; khuyến cáo mở rộng diện tích lúa nếp, giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt, gạo ngon, hạt dài.

Trên cơ sở lịch thời vụ của tỉnh làm căn cứ tính thời điểm gieo mạ phù hợp cho từng giống và từng trà lúa của xã. Trong cùng một trà lúa, giống có thời gian sinh trưởng dài bố trí đầu khung thời vụ, giống có thời gian sinh trưởng ngắn hơn bố trí giữa và cuối khung thời vụ. Cần bố trí gọn từng trà, ở từng địa phương, mỗi cánh đồng chỉ sử dụng từ 1-2 loại giống, gieo tập trung trong khoảng 3-5 ngày.

** Cây Lúa:*

Vùng sâu trũng, lúa cá: Bố trí các giống chịu rét, có thời gian sinh trưởng từ 135 - 150 ngày như các giống Xi 23, J02, giống địa phương, cơ cấu chủ yếu trà Xuân sớm.

Chân đất vàn thấp đến vàn trung bình: Tập trung các giống có năng suất cao, chất lượng khá trở lên, như: Các giống lúa lai: Thái Xuyên 111, QL301,

VT404, VT868, Quốc Tế 1, Long Hương 8117, Phúc Thái 168, TBH 456, Nhị ưu 838, Nhị ưu 986, C Ưu đa hệ số 1, ADI 73, ADI 9, Syn 8, Syn 12, Syn 18, Nam Dương 99…; Các giống lúa thuần: Q5, Hương Bình, DQ 11, TH998, N24, HANA167, ADI 168, QR15, QR1, HG12, HG244, KoJi, VNR20, Bắc thơm số 7, Tân Ưu 98, ND502...: cơ cấu chủ yếu trà Xuân muộn.

Vùng thâm canh trên chân đất vàn cao, vàn trung: Cơ cấu trà Xuân muộn các giống lúa chất lượng và phục vụ chế biến có thời gian sinh trưởng ngắn ngày như: MHC2, VT656, HD879, VT333, Nghi Hương 305, Nghi Hương 2308, CT 16, Hoa Ưu 7185, WN305, An Nông 0818,… Các giống lúa thuần: Bắc Thịnh, TBR225, TBR97, TBR89, TBR87, Thiên ưu 8, HANA số 7, HANA số 6, ADI 28, Đài Thơm 8, Dự Hương 8, VNR 20, Khang dân đột biến (KD ĐB),…..

Về thời vụ**:** Các giống có thời gian sinh trưởng dài trên 135 ngày bố trí lúa trỗ vào thời điểm từ 25 - 30/4; các giống có thời gian sinh trưởng từ 120 - 135 ngày bố trí lúa trỗ tập trung vào thời điểm từ 25/4 - 05/5/2026 căn cứ vào thời gian sinh trưởng, xác định thời điểm gieo cấy phù hợp…

* *Cây ngô:* Đất chuyên màu, đất bãi ven sông, đất lúa khó tưới chuyển trồng ngô bằng các giống: VS36, GT 822, CP111, CP519, CP511, CP512, CP511S, CP111S, NK4300Bt/GT, NK4300, NK66Bt/GT, NK 7328, ,....; Đất đồi thấp sử dụng các giống: CP512, CP 511S, CP111, NK4300BT/GT, NK4300, DK6919S. Thời vụ gieo trồng sau 04/02/2026.

* *Cây lạc:* Đất chuyên màu, đất bãi các giống: L14, L18, L23, L26, TB 25, TB 29.

* *Cây rau màu:* Lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, có thị trường tiêu thụ để mở rộng diện tích như ớt, khoai tây, rau an toàn, hoa, cây thức ăn gia súc,... đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc bố trí các cây màu trên đất trồng lúa được chuyển đổi. Những nơi khó khăn về nước tưới cần tranh thủ thời tiết có mưa, đất đủ ẩm để gieo trồng, chăm sóc và linh hoạt các hình thức tưới có hiệu quả cho cây trồng.

(Cơ cấu và thời vụ một số loại cây trồng chính cụ thể ở Phụ lục 2)

5. Tập trung thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Sử dụng giống đúng tiêu chuẩn, chất lượng; che phủ ni lông 100% diện tích mạ để phòng chống rét, tăng cường sử dụng mạ khay, máy cấy và ứng dụng cơ giới hoá các khâu trong sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Kế hoạch 260/KH-UBND ngày 7/11/2022 của UBND tỉnh và phát triển nông nghiệp hữu cơ theo Đề án số 3890/QĐ-UBND ngày 7/11/2022 của UBND tỉnh.

- Tăng cường cày ải trên diện tích không làm vụ đông, khuyến cáo tập trung sử dụng phân bón hữu cơ, xây dựng phương án điều tiết nước, quản lý, chỉ đạo thời vụ bằng thuỷ lợi.

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thiết lập, cấp và quản lý mã số các vùng trồng (cả sản phẩm nội địa và sản phẩm nông sản để xuất khẩu), từng bước ứng dụng công nghệ số vào sản xuất.

6. Tổ chức tốt việc cung ứng, dịch vụ phục vụ sản xuất

- Các hợp tác xã DVNN phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp có kế hoạch cung ứng đủ giống, vật tư, phân bón cho nông dân đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, đúng chủng loại, kịp thời vụ, giá cả hợp lý và tạo điều kiện cho nông dân sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Các HTX DV nông nghiệp thường xuyên phối hợp với Công ty TNHH MTV TL Nam Sông Mã, Chi nhánh Thuỷ Nông Định Tânkiểm tra, phát hiện hư hỏng, khẩn trương sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi bị hư hỏng do mưa lũ gây ra, đáp ứng kịp thời cho sản xuất; trước mắt, phối hợp với các thôn thực hiện tốt công tác ra quân làm thủy lợi mùa khô; nạo vét kênh mương nhằm phát huy tốt năng lực tưới của các công trình. Xây dựng và triển khai thực hiện phương án tưới, tiêu phù hợp, hiệu quả và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và công tác dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, đặc biệt lưu ý các đối tượng sâu bệnh chính như rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá. Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo và hỗ trợ nông dân phòng trừ kịp thời, triệt để, không để phát sinh thành dịch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu cho UBND xã xây dựng và triển khai Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2026 trên địa bàn, phối hợp với các đơn vị chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục trong sản xuất, tập trung công tác thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu kịp thời.

- Hướng dẫn, đôn đốc các thôn xây dựng, triển khai Phương án gắn với việc theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết để phòng tránh thiệt hại do thiên tai gây ra; phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra chất lượng các loại dịch vụ thuộc ngành quản lý như tưới, tiêu, giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ...

- Tham mưu giao chỉ tiêu tích tụ đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Phối hợp với các HTX và khuyến nông viên cơ sở triển khai tập huấn kỹ thuật cho bà con nông dân tại các đơn vị thôn, đồng thời tổ chức khảo nghiệm, trình diễn các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt nhằm tạo ra sự đột phá về năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế, làm tốt công tác dự tính

dự báo tình hình sâu bệnh hại cây trồng các vụ trong năm để khuyến cáo và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị để thiết lập các vùng trồng, cấp mã vùng trồng mới cho các loại cây xuất khẩu, tổ chức tập huấn, triển khai công tác kiểm soát dịch bệnh thực vật cho cây trồng năm 2026.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất về UBND xã, tham mưu đề xuất giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công

Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo, để nông dân hiểu rõ vai trò của sản xuất ngành trồng trọt năm 2026 để nhân dân biết, tham gia thi đua sản xuất giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

3. Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Sông Mã, chi nhánh Thuỷ nông Định Tân chuẩn bị đầy đủ nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất, kịp thời cung ứng nước đảm bảo cho nhân dân gieo trồng vụ Xuân năm 2026.

- Chủ động thực hiện tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản, nhất là các cây trồng thế mạnh như ớt, ngô ngọt, ngô làm thức ăn chăn nuôi, rau các loại,... cung ứng các loại giống cây trồng, vật tư, phân bón kịp thời cho nhân dân.

- Kiểm tra hệ thống kênh mương, xây dựng phương án tiến hành nạo vét tu bổ đảm bảo tốt việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2026.

4. Các thôn

Trên cơ sở Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2026 của xã, tùy vào điều kiện đồng đất của từng Thôn. Các thôn xây dựng kế hoạch bố trí cây trồng, vùng sản xuất phù hợp với từng loại cây trồng, tổ chức họp nhân dân triển khai Phương án sản xuất đến hộ nông dân và tập trung bàn với nông dân trên cơ sở diện tích của hộ gia đình, nguồn vốn, sức lao động, tham khảo thị trường để xác định đầu tư sản xuất cây trồng phù hợp với điều kiện cụ thể nhằm nâng cao thu nhập cảu Nhân dân.

- Tích cực thông tin, tuyên truyền, giám sát về chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Trồng trọt; tuyên truyền và vận động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng tham gia sản xuất, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; vận động và tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất vụ Xuân 2026 giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

5. Công ty TNHH MTV thuỷ lợi Nam Sông Mã, Đội quản lý Điện lực khu vực Định Tân với chức năng của mình phối hợp với UBND xã, các HTX DV NN trên địa bàn chuẩn bị những điều kiện cần thiết phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

6. Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể: Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh xã

Tích cực thông tin, tuyên truyền, giám sát về chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Trồng trọt; tuyên truyền và vận động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng tham gia sản xuất, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; vận động và tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất vụ Xuân năm 2026 giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Đề nghị các phòng ban chuyên môn, ban ngành đoàn thể; Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp, nhằm triển khai thực hiện Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2026 đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và MT (để b/c);
- Chi cục Trồng trọt tỉnh (để b/c);
- TTr: Đảng Uỷ, HĐND xã (để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng uỷ xã (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- MTTQ, các Đoàn thể xã;
- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Thủ trưởng các đơn vị liên quan;
- Giám đốc các HTX DVNN;
- Trưởng các Thôn;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Cường

Phụ lục 1: CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ XUÂN 2026

(Kèm theo Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2026 của UBND xã Định Tân)

STT	Thôn	Lúa	Ngô	Lạc	Rau đậu các loại	Tổng
1	Sét Thôn	70.8	1.0	1.5	4.5	77.8
2	Thịnh Thôn	21.8	3.0	1.0	12.8	38.6
3	Trịnh Điện	70.8	5.0	0.2	1.3	77.3
4	Ái Thôn	69.3	3.0		0.9	73.3
5	Duyên Lộc	70.3	3.0		0.3	73.6
6	Đồng Tình	79.8	1.0	0.5	9.2	90.5
7	Duyên Hy	104.8	5.0		35.0	144.8
8	Vệ Thôn	130.3	4.0		34.1	168.4
9	Hổ Thôn	77.8	2.0		11.0	90.8
10	Tân Long	48.8	3.0		3.6	55.4
11	Kênh Thôn	77.8	4.0		8.7	90.5
12	Yên Đinh	141.3	5.0	0.1	41.5	187.9
13	Yên Hoành	108.8	6.0	1.2	38.0	154.0
14	Lang Thôn	121.3	22.0	1.5	43.0	187.8
15	Mỹ Lọc	79.8	12.0	0.5	13.1	105.4
16	Duệ Thôn	80.8	16.0	1.5	0.4	98.7
17	Yên Thôn	96.3	25.0		7.0	128.3
18	Tam Đồng	126.3	8.0		32.3	166.7
Tổng		**1577.0**	**128.0**	**8.0**	**297.0**	**2010.0**

Phụ lục 2: CƠ CẤU GIỐNG CHỦ LỰC VÀ LỊCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ XUÂN 2026

(Kèm theo Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2026 của UBND xã Định Tân)

Cây trồng	Mùa vụ và chân đất	Loại giống chủ lực	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo mạ	Tuổi mạ (lá)	Thời gian trỗ (dự kiến)
Lúa	Lúa Xuân sớm và chính vụ, chân đất sâu trũng	Các giống: Xi23, J02, giống địa phương	135-150	20 - 25/12	4,0 - 4,5	25-30/4
	Vùng thâm canh trên chân đất vàn thấp đến vàn trung bình: Cơ cấu trà Xuân muộn tập trung các giống có năng suất cao, chất lượng khá	Các giống lúa lai: Thái Xuyên 111, QL301, VT404, VT868, Quốc Tế 1, KH 336, Thụy hương 308, Hương ưu 98, Long Hương 8117, Phúc Thái 168, TBH 456, Nhị ưu 838, Nhị ưu 986, C Ưu đa hệ số 1, ADI 73, ADI 9, Syn 8, Syn 12, Syn 18, Nam Dương 99…; Các giống lúa thuần: Q5, Hương Bình, DQ 11, TH998, N24, HANA167, ADI 168, QR15, QR1, HG12, HG244, KoJi, Bắc thơm số 7, Tân Ưu 98, ND502.	125-135	05 - 10/01	3,5 - 4,0	25/4-30/4
	Vùng thâm canh trên chân đất vàn cao-vàn trung bình: Cơ cấu trà xuân muộn các giống lúa chất lượng và phục vụ chế biến	Các giống lúa lai: MHC2, VT656, HD879, VT333, Nghi Hương 305, Nghi Hương 2308, CT 16, Hoa Ưu 7185, WN305, An Nông 0818… Các giống lúa thuần: Bắc Thịnh, TBR225, TBR97, TBR89, TBR87, Thiên ưu 8, HANA số 7, HANA số 6, ADI 28, Đài Thơm 8, Dự Hương 8, VNR 20, Khang dân đột biến (KD ĐB), Việt thành 213, LTH31, HT18, Hà Phát 3, Thiên Hương 6, Hạt Ngọc 9, DT 18, Hạt vàng 36; Thái Hương…; Các giống nếp: N97, N98, ĐT 52, A Sào, Nếp Hương, Nếp thơm 86, KING 6, Nếp vàng 1.	125-135	15 - 20/01	3,5 - 4,0	25/4-30/4
Ngô	Đất chuyên màu, đất bãi ven song, đất lúa khó tưới chuyển trồng ngô	VS36, GT 822, CP111, CP519, CP511, CP512, CP511S, CP111S, NK4300Bt/GT, NK4300, NK66Bt/GT, NK 7328, NK67Bt/GT, DK6919S, DK6818S, DK9955S, DK9979C,...; Ngô nếp: ADI 668, TBM18, HN88, HN68, HN92.	125-135	10 - 15/02	Gieo hạt trực tiếp	Trước 20/6

Lạc	Đất chuyên màu, đất bãi	L14, L18, L23, L26, TB 25, TB29.	125-135	10 - 20/02		